

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/KDTM-ST.

Ngày: 23-6-2020.

V/v: “Tranh chấp hợp đồng kinh doanh
thương mại về mua bán hàng hóa”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Nguyễn Văn Đông.

+ Ông Nguyễn Văn Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Nhật Trường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Lanh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2020/TLST-KDTM ngày 14 tháng 02 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2020/QĐXXST-KDTM ngày 12 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty A, địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà **Trương Thị Thúy H** - Sinh năm: 1987, địa chỉ: Ấp D, xã E, huyện C, tỉnh Bến Tre (văn bản ủy quyền ngày 05/3/2020, bà H có mặt).

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Kim T** - Sinh năm: 1971, địa chỉ: Ấp H, xã I, huyện C, tỉnh Bến Tre - Đại diện hợp pháp Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Kim T (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13 tháng 02 năm 2020, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Nguyên đơn có thỏa thuận với bị đơn về việc mua vỏ dừa do bị đơn cung cấp. Việc thỏa thuận này do anh Võ Văn T là nhân viên của Công ty trực tiếp trao đổi với bị đơn. Theo đó, nguyên đơn sẽ tạm ứng trước cho bị đơn một khoảng tiền

để bị đơn thu mua vỏ dừa rồi bán lại cho nguyên đơn. Số tiền bị đơn nhận tạm ứng trước sẽ được trừ vào số tiền mà nguyên đơn thu mua vỏ dừa do bị đơn cung cấp.

Ngày 26 tháng 11 năm 2019, nguyên đơn có cho bị đơn tạm ứng trước số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) để bị đơn thu mua vỏ dừa rồi bán lại cho nguyên đơn. Anh Võ Văn T đã trực tiếp giao 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) cho bị đơn nhận vào ngày 26 tháng 11 năm 2019 và có lập tờ giấy viết tay với tiêu đề ghi “*Hợp đồng mua bán vỏ dừa*” không có công chứng, chứng thực. Đến ngày 08 tháng 12 năm 2019 bị đơn có giao 18,5 thiên vỏ dừa cho nguyên đơn với tổng giá trị là 18.500.000đ (mười tám triệu năm trăm ngàn đồng). Sau đó, vào ngày 10 tháng 12 năm 2019 bị đơn có giao tiếp 18 thiên vỏ dừa cho nguyên đơn với tổng giá trị là 18.000.000đ (mười tám triệu đồng). Tổng giá trị của hai đợt giao nhận hàng là 36.500.000 (ba mươi sáu triệu năm trăm ngàn đồng). Như vậy, trừ vào số tiền mà nguyên đơn đã cho bị đơn tạm ứng vào ngày 26 tháng 11 năm 2019 thì bị đơn còn tạm ứng trước của nguyên đơn số tiền là 13.500.000đ (mười ba triệu năm trăm ngàn đồng).

Ngày 12 tháng 12 năm 2019, nguyên đơn có cho bị đơn nhận tạm ứng thêm số tiền là 50.000.000 (năm mươi triệu đồng) để bị đơn tiếp tục thu gom vỏ dừa và bán lại cho nguyên đơn. Anh T đã trực tiếp giao số tiền này cho bị đơn và có lập một tờ giấy viết tay có tiêu đề ghi “*Hợp đồng mua bán vỏ dừa*” không có công chứng, chứng thực. Tuy nhiên, sau đó thì bị đơn không giao vỏ dừa cho nguyên đơn nữa, cũng không trả lại số tiền đã nhận tạm ứng còn lại là 63.500.000 (sáu mươi ba triệu năm trăm ngàn đồng) cho nguyên đơn.

Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền đã nhận tạm ứng còn lại là 63.500.000 (sáu mươi ba triệu năm trăm ngàn đồng). Ngoài ra, nguyên đơn không yêu cầu gì thêm.

Bị đơn vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm và cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về nội dung có liên quan đến việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Giữa nguyên đơn và bị đơn đã thỏa thuận về việc mua bán vỏ dừa và đã thực hiện việc mua bán vỏ dừa từ năm 2018 cho đến khi làm đơn khởi kiện. Theo đó thì nguyên đơn cho bị đơn ứng trước một khoản tiền để bị đơn thu gom vỏ dừa, sau đó bán lại cho nguyên đơn, số tiền bị đơn ứng trước sẽ được khấu trừ vào số tiền mà nguyên đơn phải thanh toán khi nhận vỏ dừa. Thời hạn mà bị đơn giao vỏ dừa cách ngày nhận tiền tạm ứng là một tuần hoặc có khi là hai tuần. Số tiền mà nguyên đơn giao cho bị đơn là số tiền bị đơn nhận tạm ứng trước chứ đó không phải là khoản tiền đặt cọc để ký kết hay để thực hiện hợp đồng giữa hai bên;

Sau khi Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử thì bà Nguyễn Thị Kim T có trả cho nguyên đơn số tiền là 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng). Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền còn thiếu là 48.500.000 (bốn mươi tám triệu năm trăm ngàn đồng). Ngoài ra, nguyên đơn không yêu cầu gì thêm.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị Kim T vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre phát biểu: Thẩm phán thụ lý, giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các điều 430, 433 của Bộ luật Dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cụ thể: Buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền là 48.500.000 (bốn mươi tám triệu năm trăm ngàn đồng), ghi nhận nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Khi thụ lý, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre đã thụ lý để giải quyết vụ án theo án dân sự. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án thu thập được tài liệu về việc bà Nguyễn Thị Kim T có đăng ký kinh doanh tại Phòng K, tỉnh Bến Tre theo giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số: S, đăng ký lần đầu ngày 22/8/2017, tên hộ kinh doanh là Nguyễn Thị Kim T, địa điểm kinh doanh là: ấp T, xã U, huyện C, tỉnh Bến Tre, ngành nghề kinh doanh là: Mua bán các sản phẩm từ dừa, đại diện hộ kinh doanh là Nguyễn Thị Kim T - Sinh năm: 1971, nơi ở: Ấp H, xã I, huyện C, tỉnh Bến Tre. Như vậy, giữa nguyên đơn, bị đơn đều có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận nên Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre đã thay đổi trình tự, thủ tục giải quyết vụ án từ án dân sự sang án kinh doanh thương mại theo Thông báo số: 132/2020/TB-TA ngày 12 tháng 5 năm 2020. Đồng thời số tiền giữa các bên có tranh chấp là khoản tiền mà bị đơn nhận tạm ứng trước từ nguyên đơn trong việc mua bán hàng hóa, đó không phải là khoản tiền đặt cọc nên đây là tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại các điều 30, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt tại phiên hòa giải vào ngày 05 tháng 3 năm 2020 và nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Ngoài ra, bị đơn đã vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm lần thứ hai nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Tuy bị đơn vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm cũng như không gửi văn bản trình bày ý kiến có liên quan đến việc giải quyết vụ án, nhưng lời trình bày của nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của

nguyên đơn về thời hạn giao hàng và việc mua bán vỏ dừa là phù hợp với nội dung tại các hợp đồng mua bán vỏ dừa lập ngày 26 tháng 11 năm 2019 (bút lục số 10) và ngày 12 tháng 12 năm 2019 (bút lục số 11), các phiếu nhận hàng lập ngày 08 tháng 12 năm 2019 (bút lục số 12) và ngày 10 tháng 12 năm 2019 (bút lục số 13). Như vậy, có đủ cơ sở để xác định bị đơn đã không giao hàng đúng thời hạn và tính đến thời điểm nguyên đơn khởi kiện (ngày 14/02/2020) thì bị đơn còn thiếu nguyên đơn số tiền là 63.500.000 (sáu mươi ba triệu năm trăm ngàn đồng) nên việc khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp.

[3.2] Mặc dù bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào cho thấy từ thời điểm tháng 02 năm 2020 cho đến nay bị đơn có trả cho nguyên đơn được khoản tiền nào, nhưng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định là sau khi Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử thì bị đơn có trả cho nguyên đơn số tiền là 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng), đây là sự tự nguyện thừa nhận của nguyên đơn nên ghi nhận.

[3.3] Từ những nhận định trên xác định được tổng số tiền bị đơn còn nợ nguyên đơn là 48.500.000 (bốn mươi tám triệu năm trăm ngàn đồng). Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu 3.000.000đ (ba triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 24, 37, 306 của Luật Thương mại; các điều 5, 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty A. Cụ thể:

1/ Buộc bà Nguyễn Thị Kim T - Đại diện hợp pháp Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Kim T có nghĩa vụ trả cho Công ty A số tiền là 48.500.000đ (bốn mươi tám triệu năm trăm ngàn đồng), không tính tiền lãi.

2/ Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1) Buộc bà Nguyễn Thị Kim T - Đại diện hợp pháp Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Kim T phải nộp 3.000.000đ (ba triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3.2) Hoàn trả lại cho Công ty A số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.588.000đ (một triệu năm trăm tám mươi tám ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008271 ngày 14 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân huyện C, tỉnh Bến Tre.

4/ Về quyền kháng cáo đối với bản án: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

5/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mô Cày Nam;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện C;
- Phòng KTNV và T.H.A-TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp, Bp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)
Nguyễn Văn Nguyên